TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 15/2026/QĐST-DS	*Ninh Bình, ngày 15 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 06 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 42/2026/TLST - DS ngày 24 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: ***Ngân hàng TMCP Đ (S)***; Địa chỉ: A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó tổng giám đốc (Văn bản uỷ quyền số 14782/2025/UQ - S ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị H, Giám đốc chi nhánh *S, ông Phạm Ngọc T1, ông Lê Văn H1***,** chuyên viên xử lý nợ. (Giấy uỷ quyền số 141/2025/UQ - S ngày 12 tháng 12 năm 2025)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1983. CCCD số 0371830044xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05 tháng 7 năm 2022; Địa chỉ: thôn A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và phương thức thanh toán nợ:

Bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (S) tổng số tiền vay gốc và lãi, lãi phát sinh tính đến ngày 05 tháng 6 năm 2026 là

1.213.080.310 đồng bao gồm: nợ gốc là **509.205.304 đồng;** nợ lãi trong hạn là **227.899.375 đồng** và lãi quá hạn là **475.975.631 đồng.** Theo Hợp đồng tín dụng từng lần **số** REF1902200116/HĐTD/H03 – NTU ngày 23 tháng 1 năm 2019 và giấy nhận nợ ngày 23 tháng 1 năm 2019 và hợp đồng hạn mức phát sinh thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng (Thẻ SeA Lady) ngày 23 tháng 1 năm 2019 giữa S và bà Nguyễn Thị U

2.2. Về thời gian thanh toán: Bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm thanh toán Ngân hàng TMCP Đ (S) toàn bộ tiền gốc, tiền lãi và lãi chậm trả chậm nhất vào ngày 05 tháng 08 năm 2026.

Kể từ ngày 06 tháng 06 năm 2026 tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1902200116/HĐTD/H03 – NTU ngày 23 tháng 1 năm 2019, giấy nhận nợ ngày 23 tháng 1 năm 2019 và hợp đồng hạn mức phát sinh thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng (Thẻ SeA Lady) ngày 23 tháng 1 năm 2019 của khoản vay cho đến ngày bà Nguyễn Thị U thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (S)

Kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2026 nếu bà Nguyễn Thị U không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ (S) thì Ngân hàng TMCP Đ (S) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (S).

2.3. Về xử lý hợp đồng thế chấp:

Trường hợp bà Nguyễn Thị U thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Đ (S) thì Ngân hàng TMCP Đ (S) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Thị U để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: xe ô tô số REF1902200116/HĐTC/H03 – NTU ngày 23 tháng 1 năm 2029 đối với 01 xe ô tô tải pick up cabin kép nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORADO, số khung 8FLOKH630901, số máy: LKHG182621134, biển số đăng ký 35C – 098.98 mang tên bà Nguyễn Thị U. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1902200116/HĐTC/H03 – NTU ngày 23 tháng 1 năm 2019 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị U.

Nếu số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được để thi hành án thì bà Nguyễn Thị U vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại (*các*) tài sản và nguồn thu khác của bà Nguyễn Thị U để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho S

2.4. Về án phí:

Ngân hàng TMCP Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.309.000 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 3141 ngày 21 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Bà Nguyễn Thị U phải nộp 24.196.205 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm linh năm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được ban hành theo quy định tại tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh